TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 46/2022/DS-PT
Ngày 29 – 8 – 2022
V/v "Yêu cầu chấm dứt hợp đồng uỷ quyền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Hiếu

Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Nguyễn Thị Trâm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29-8-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 21/2022/TLPT-DS ngày 22-4-2022 về việc "Yêu cầu chấm dứt hợp đồng uỷ quyền".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 09-3-2022 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 55/2022/QĐ-PT ngày 21-6-2022; Quyết định hoãn phiên toà phúc thẩm số 86/2022/QĐ-PT ngày 20-7-2022; Quyết định tạm ngừng phiên toà số 96/2022/QĐ-PT ngày 16-8-2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Hoàng Thị Kim C**, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 224 đường A, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Kim H, sinh năm: 1980; Địa chỉ: 50-52 đường B, phường D, quận S, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

* *Bị đơn:* Ông **Văn Công Q**, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 204 đường H, phường N, quận E, thành phố Đà Nẵng (địa chỉ cũ: 304 D, quận K, thành phố Đà Nẵng).

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Quốc T, sinh năm: 1972; địa chỉ: Số 23 ngõ 38 dốc L, M, quận T, thành phố Hà Nội; có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đ; Địa chỉ: Số 42 đường D, quận Hải C, thành phố Đà Nẵng; Người đại diện theo pháp luật: Bà Trương Thị Tứ; chức danh: Giám đốc; vắng mặt.

2. Công ty Cổ phần G; Địa chỉ: Số 204 đường H, phường Hoà Cường Nam, quận C, thành phố Đà Nẵng; Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Ngọc L, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; vắng mặt.

* *Người kháng cáo:* Bị đơn - ông Văn Công Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày tại Đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án:***

Vào thời điểm năm 2010-2018, bà Hoàng Thị Kim C làm giám đốc Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đ *(sau đây gọi tắt là Công ty Đ)* còn ông Văn Công Q là chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần G.

Vào năm 2011, giữa Công ty Cổ phần G *(sau đây gọi tắt là Công ty G)* và Công ty Đ có hợp tác với nhau để thực hiện một số dự án tại khu đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc, tỉnh Quảng Nam, trong đó có: Dự án Đ 1 đã được hai bên ký kết thực hiện theo hợp đồng thỏa thuận hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐTTHTĐT ngày 08-3-2011 và xúc tiến ký thêm 01 dự án Peaceful land. Mọi hoạt động liên lạc giữa hai công ty được trao đổi qua thư từ hoặc trực tiếp đều thông qua ông Văn Công Q với email: Q6008@gmail.com.

Trong quá trình thực hiện dự án Đ 1, căn cứ vào thông báo 181a/2013/TB-BĐ ngày 28-9-2013 của Công ty Đ yêu cầu Công ty G nộp số tiền 2.144.505.804đ để thực hiện việc giải tỏa mặt bằng đền bù dự án Đ 1.

Vào ngày 10-10-2013, ông Văn Công Q đại diện cho Công ty G dùng tài khoản ngân hàng cá nhân của ông Q chuyển vào tài khoản cá nhân của bà Hoàng Thị Kim C (số tài khoản 124833XXX tại Ngân hàng TMCP ACB) với số tiền 2.144.505.804đ theo mục đích ghi trong nội dung chuyển tiền: "Tiền giải tỏa Đ 1" đúng y như thông báo 181a/2013/TB-BĐ ngày 28-9-2013.

Mục đích ông Q chuyển số tiền 2.144.505.804đ cho bà C: ông Q đại diện công ty Cổ phần G ủy thác cho bà C khi đó là giám đốc Công ty Đ nộp số tiền 2.144.505.804đ vào Công ty Đ để thanh toán tiền giải tỏa đền bù dự án Đ 1. Đây là việc làm của hai công ty chứ không phải là công việc cá nhân nào khác giữa ông Q và bà C.

Theo thông báo của Ngân hàng TMCP ACB thì bà Hoàng Thị Kim C chỉ rút được 2 lần (1.000.000.000đ và 1.144.000.000đ) vào ngày 10-10-2013 với tổng cộng số tiền 2.144.000.00đ; còn trong tài khoản 505.804đ không rút được (do số dư còn lại thấp).

Sau khi nhận được tiền của ông Văn Công Q, khi bà C đang làm thủ tục để chuyển số tiền 2.144.000.000đ từ Công ty Đ vào tài khoản của Trung tâm giải phóng mặt bằng thì Hội đồng thành viên Công ty Đ thông báo là phải dừng việc chuyển tiền vì ông Văn Công Q, bà Trần Thị Ngọc L đại diện Công ty G và ban

lãnh đạo Công ty Đ đi đến thống nhất là dừng dự án Đ 1 lại, để đầu tư dự án Peaceful land. Ngay lập tức, bà C đã hủy lệnh chuyển tiền trả lại chứng từ gốc cho Ngân hàng Nông nghiệp và mang tiền về văn phòng Công ty Đ. Hội đồng thành viên giao trách nhiệm cho bà C bảo quản số tiền 2.144.505.804đ cho Công ty Đ và Công ty Đ ghi nhớ là tiền này là của Công ty G và sẽ hạch toán kế toán cho Công ty G khi hai bên ký kết hợp đồng hợp tác dựa án Peaceful land.

Do có sự đồng thuận của hai Ban giám đốc công ty là Công ty Đ (do bà Hoàng Thị Kim C đại diện) và Công ty G (do ông Văn Công Q đại diện) về việc dừng dự án Đ 1. Nên việc ủy thác của ông Q cho bà C đã có sự thay đổi về mục đích. Cụ thể, mục đích ban đầu ông Q ủy thác cho bà C nộp số tiền 2.144.505.804đ cho Công ty Đ để chuyển tiền giải tỏa đền bù dự án Đ 1 nay được thay đổi thành xúc tiền hợp tác dự án Peaceful land với Công ty Đ. Bà C là một thành viên công ty và chỉ là người nhận thực hiện các công việc theo nhiệm vụ do 2 Công ty giao phó. Còn việc tạm dừng dự án Đ 1 là do 02 công ty cùng thống nhất quyết định chứ không phải ý chí riêng của cá nhân bà C.

Đến khoảng giữa năm 2014, trong khi hai Công ty Đ và Công ty G đang thương thảo hợp tác về dự án Peaceful land thì phát sinh tranh chấp, bất đồng quan điểm dẫn đến tranh chấp về tất cả các hợp đồng hợp tác đã ký và sẽ ký với nhau. Công ty G có văn bản đề nghị thoái vốn về tất cả các dự án. Hai bên đã cử người đại diện để làm việc nhưng không đi đến thống nhất. Từ tranh chấp giao dịch dân sự, Công ty G không chịu thương lượng mà cố tình gây áp lực, làm đơn gửi đến Công an thành phố Đà Nẵng, Công an tỉnh Quảng Nam, Bộ Công an tố cáo Công ty Đ nhiều nội dụng trong đó nêu tố cáo Đ lừa đảo Công ty G số tiền 2.144.505.804đ mà ông Văn Công Q ủy thác cho bà Hoàng Thị Kim C.

Các Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã có những thông báo về việc không khởi tố vụ án hình sự với lý do không có dấu hiệu tội phạm như sau:

+ Quyết định số 08/C44-P5 do Cơ quan Cảnh sát Điều tra Bộ Công an ban hành ngày 09-01-2017;

+ Thông báo số 170/PC46(Đ5) do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng ban hành ngày 31-5-2015;

+ Quyết định số 349/CQĐT do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam ban hành ngày 07-7-2015;

+ Thông báo số 233/CĐT-VP do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng ban hành ngày 27-7-2015;

+ Thông báo số 298/CSĐT (đ5) DO Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng ban hành ngày 18-7-2018;

+ Thông báo số 295/CSĐT-HS do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng ban hành ngày 14-9-2021;

+ Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 23/CSĐT-HS do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng ban hành ngày 14-9-2021.

Do sự việc phức tạp và hai công ty vẫn tiếp tục tranh chấp dẫn đến Công ty Đ và Công ty G không ký kết được hợp đồng hợp tác về dự án Peaceful land, do

đó số tiền 2.144.505.804đ của ông Văn Công Q ủy thác, bà Hoàng Thị Kim C không thể nộp vào Công ty Đ cho Công ty G được. Mặc dù bà C đã nhiều lần yêu cầu nhận lại số tiền 2.144.505.804đ nhưng ông Q vẫn không chịu nhận. Cụ thể là nhiều thông báo, giấy mời để giải quyết nội dung tranh chấp có liên quan đến số tiền nêu trên, như:

+ Thư mời gửi Công ty G ngày 14-11-2014;

+ Thư phúc đáp muốn chấp dứt hợp đồng số 02/11/14/GT-BĐS ngày 14-11-2014 của Công ty G gửi Công ty Đ chốt hạ thời gian thanh lý tất các các hợp đồng;

+ Thư muốn chấm dứt hợp đồng số 08/11/14GT-BĐS ngày 18-11-2014 của Công ty G gửi công ty Đ;

+ Thông báo số 01 ngày 05-2-2015 của Công ty Đ gửi Công ty G trả lời v/v ký kết hợp đồng dự án Peaceful land và hủy dự án Đ 1 với nội dung giải quyết các chi phí đầu tư dự án trong đó có số tiền 2.144.000.000đ;

+ Trả lời số 16/02/15/GT-BĐS ngày 07-2-2015 của Công ty G v/v trả lời cho thông báo số 01 của Đ nêu trên, Công ty G yêu cầu Công ty Đ giữ nguyên hiện trạng số tiền 2.144.000.000đ chờ kết luận điều tra Công an thành phố Đà Nẵng và không đồng ý xử lý theo yêu cầu của Đ, và rất nhiều thư từ hiện do Công ty Đ đang lưu giữ.

Do ông Văn Công Q không chịu nhận lại số tiền 2.144.000.000đ nên Công ty Đ giao trách nhiệm cho bà Hoàng Thị Kim C tiếp tục tạm giữ nguyên trạng số tiền 2.144.5050.804; bà C đã bảo quản số tiền trên và không sử dụng vào bất kỳ mục đích gì khác.

Từ năm 2018, bà Hoàng Thị Kim C không giữ vị trí giám đốc Công ty Đ và có làm thông báo ngày 17-6-2018 xin ý kiến Ban giám đốc Công ty Đ về xử lý số tiền 2.144.505.804đ của ông Văn Công Q. Căn cứ thông báo số 09A/2018/TB-BĐ do Công ty Đ ban hành, yêu cầu bà C tiếp tục bảo quản và không được sử dụng số tiền 2.144.505.804đ từ năm 2014 đến nay. Tranh chấp giữa hai Công ty đi vào bế tắc, dẫn đến bà C vẫn phải bảo quản số tiền của ông Q; nhiều lần bà C yêu cầu nhưng hai Công ty không xử lý số tiền nêu trên.

Xét thấy việc bảo quản số tiền nêu trên đã gây cho bà Hoàng Thị Kim C quá mệt mỏi và tổn hại về cả vật chất, tinh thần, làm mất uy tín, danh dự của cá nhân bà C do ông Q và Công ty G liên tục có đơn tố cáo, khiếu nại. Vì vậy, yêu cầu Toà án giải quyết:

1. Tuyên bố việc ủy quyền của ông Văn Công Q (là chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty G) cho bà Hoàng Thị Kim C chấm dứt do công việc ủy quyền không thể thực hiện được.

Do việc ủy quyền chấm dứt nên các bên hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận, cụ thể bà C chuyển trả lại cho ông Q số tiền mà Công ty Đ yêu cầu bà C giữ 2.144.505.804đ, do việc ủy quyền không có thù lao nên bà C không yêu cầu ông Q bồi thường gì.

2. Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc cá nhân ông Văn Công Q phải xin lỗi công khai với bà Hoàng Thị Kim C về các cáo buộc vu khống bà chiếm dụng, lừa đảo hiếm đoạt số tiền nêu trên trong thời gian 07 năm qua. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn rút phần yêu cầu này.

Ngoài ra, do nhận thức pháp luật hạn chế nên theo đơn khởi kiện xác định quan hệ pháp luật của vụ án là *"Yêu cầu chấm dứt hợp đồng ủy thác"*, tuy nhiên tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử thay đổi quan hệ pháp luật của vụ án là *"Yêu cầu chấm dứt hợp đồng ủy quyền"*.

**** Bị đơn trình bày tại các Bản ý kiến gửi Toà án:***

Các Bản ý kiến ngày 25-12-2020 và ngày 16-01-2021: Từ năm 2011, Công ty G đã góp vốn vào Công ty Đ khoảng 50 tỷ đồng để thực hiện các dự án bất động sản tại Quảng Nam. Tuy nhiên, cho đến nay Công ty Đ đã không quyết toán gốc và lợi nhuận cho chúng tôi. Đây là một công ty với nhiều tai tiếng tại địa phương, đã có hàng trăm bài báo, phóng sự truyền hình nói về những khuất tất trong kinh doanh của công ty này, không những với chúng tôi mà còn hàng trăm người góp vốn khác.

Hiện nay, chúng tôi đang gửi nhiều đơn tố cáo đến các cơ quan hữu quan về hàng loạt hành vi vi phạm pháp luật hình sự của bà Hoàng Thị Kim C và Công ty Đ. Trong đó, hồ sơ về hành vi chiếm đoạt số tiền 2.144.505.804đ đang được Cơ quan Cảnh sát điều tra thuộc Công an thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết.

Vì vậy, tôi đề nghị Qúy cấp bác đơn kiện của bà Hoàng Thị Kim C, mọi việc giải quyết về quyền lợi của mỗi bên chỉ được thực hiện sau khi có kết luận điều tra của Cơ quan CSĐT theo quy định của pháp luật.

Đơn đề nghị ngày 19-10-2021 và ngày 17-11-2021: Ngày 18-10-2021 tôi có nhận được Quyết định số 12/2021/QĐST-DS đề ngày 05-10-2021 của Qúy tòa về việc tiếp tục giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 186/2020/TLST-DS ngày 10-12-2020 về yêu cầu "Chấm dứt hợp đồng ủy thác" giữa nguyên đơn Hoàng Thị Kim C với bị đơn Văn Công Q. Về việc này, tôi trình bày và đề nghị như sau: CQCSĐTCA thành phố Đà Nẵng có gửi cho tôi Thông báo 795/CQĐT-HS đề ngày 14-9-2021 với nội dung thông báo cho tôi và vợ tôi là bà Trần Thị Ngọc L (người tố giác) biết CQCSĐTCA thành phố Đà Nẵng không khởi tố vụ án hình sự để điều tra đối với Hoàng Thị Kim C thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của vợ chồng chúng tôi số tiền 2.144.000.000 VNĐ bằng thủ đoạn giả mạo ủy nhiệm chi ngày 10-10-2013.

Tuy nhiên, thông báo số 795/CQĐT-HS ngày 14-9-2021 không kèm theo Quyết định giải quyết tố giác tội phạm theo quy định của Điều 147 BLTTHS năm 2015, dẫn đến chúng tôi không thể thực hiện được quyền khiều nại của mình trong tố tụng hình sự. Vì vậy, tôi đã có đơn yêu cầu và vẫn đang chờ CQCSĐTCA thành phố Đà Nẵng gửi cho chúng tôi Quyết định không khởi tố vụ án hình sự đó để tôi thực hiện quyền khiếu nại của mình.

Như vậy, việc giải quyết tố giác tội phạm của CQCSĐTCA thành phố Đà Nẵng có vi phạm tố tụng, cần phải giải quyết đúng thủ tục tố tụng thì cũng chưa

phải là kết quả giải quyết có hiệu lực pháp luật bởi chưa đảm bảo quyền lợi của chúng tôi - người tố giác tội phạm theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, tôi kính đề nghị Qúy tòa tiếp tục tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả giải quyết của CQCSĐTCA TP Đà Nẵng đối với khiếu nại của tôi.

Đơn yêu cầu gửi ngày 07-01-2022: Tôi đã nhận được thông báo về việc Qúy tòa đã thụ lý vụ án dân sự cũng như lịch các phiên hòa giải theo quy định. Tuy nhiên, tôi không thường trú và tạm trú trên địa bàn quận Thanh Khê mà tôi có HKTT và địa chỉ tạm trú như nêu trên *(HKTT: 30/15 Ngô Thời Nhậm, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: 204 H, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải C, thành phố Đà Nẵng)*. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền của Tòa án phải thuộc về TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng để giải quyết. Vì vậy, bằng đơn này tôi yêu cầu Qúy tòa chuyển vụ án đến TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng để giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đ trình bày:***

Công ty Đ xác nhận nội dung trong đơn mà bà Hoàng Thị Kim C trình bày về nguồn gốc số tiền 2.144.505.804đ là từ tài khoản cá nhân ông Văn Công Q chuyển cho bà Hoàng Thị Kim C là đúng và ông Q ủy thác cho bà C sẽ nộp tiền trên vào Công ty Đ để ghi nhận tiền cho Công ty G khi hai Công ty Đ và công ty G có ký kết hợp đồng dự án peaceful land. Nay hai Công ty không thực hiện ký hợp đồng hợp tác dự án peaceful land, mặt khác dự án peaceful land đã chuyển cho chủ đầu tư khác thì Công ty Đ cũng sẽ không nhận số tiền nêu trên được nữa.

Vì vậy, việc bà C khởi kiện để yêu cầu trả lại tiền đã nhận từ ông Văn Công Q trước đây là hợp tình hợp lý và bà C phải trả lại tiền cho chính chủ là ông Văn Công Q mới đúng quy định pháp luật.

Các nội dung đề nghị quý tòa xem xét: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Kim C, tuyên bố chấm dứt hợp đồng ủy quyền giữa ông Văn Công Q và bà Hoàng Thị Kim C, bà C hoàn trả lại số tiền 2.144.505.804đ cho ông Văn Công Q theo nội dung đơn khởi kiện.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty Cổ phần G*** đã được Tòa án tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng Công ty không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia các phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải.

**** Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng*** phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về nội dung vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố chấm dứt hợp đồng ủy quyền giữa ông Văn Công Q và bà Hoàng Thị Kim C; bà Hoàng Thị Kim C có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Văn Công Q số tiền 2.144.505.804đ; Đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn tự nguyện rút tại phiên tòa là yêu cầu buộc cá nhân ông Văn

Công Q phải xin lỗi công khai với bà Hoàng Thị Kim C về các cáo buộc vu khống chiếm dụng, lừa đảo chiếm đoạt số tiền nêu trên trong thời gian 07 năm qua.

Với nội dung vụ án như trên, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 09-3-2022, phần Quyết định như sau:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 40, khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 424, Điều 582 và khoản 2 Điều 588 của Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Yêu cầu chấm dứt Hợp đồng ủy quyền" của bà Hoàng Thị Kim C đối với ông Văn Công Q.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng ủy quyền giữa bà Hoàng Thị Kim C và ông Văn Công Q.

2. Buộc bà Hoàng Thị Kim C hoàn trả lại cho ông Văn Công Q số tiền 2.144.505.804đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Kim C đối với yêu cầu buộc cá nhân ông Văn Công Q phải xin lỗi công khai.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ ông Văn Công Q phải chịu.

- Hoàn trả lại cho bà Hoàng Thị Kim C số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0002477 ngày 10-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

**** Đơn kháng cáo:*** Ngày 29-3-2022, ông Văn Công Q yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ bản án do Toà án nhân dân quận Thanh Khê giải quyết là không đúng thẩm quyền do bị đơn có nơi cư trú tại Số 204 đường H, phường Hoà Cường Nam, quận Hải C, thành phố Đà Nẵng và vụ việc đang có khiếu nại tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đà Nẵng.

**** Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng*** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm

phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Xét thấy Toà án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc xác định không đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và người tham gia tố tụng, dẫn đến giải quyết nội dung vụ án cũng không đúng; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn - ông Văn Công Q; Áp dụng Khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Huỷ bản án sơ thẩm và giao hồ sơ về cho Toà án nhân dân quận Thanh Khê giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đ và Công ty Cổ phần G đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về các nội dung của đơn kháng cáo: Ông Văn Công Q cho rằng thẩm quyền giải quyết vụ án phải thuộc về Toà án nhân dân quận Hải Châu chứ không phải Toà án nhân dân quận Thanh Khê vì ông không thường trú và tạm trú trên địa bàn quận Thanh Khê mà có Hộ khẩu thường trú tại 30/15 N, phường X, quận X, thành phố Hồ Chí Minh và chỗ ở hiện nay là 204 H, phường B, quận Hải C. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc Toà án nhân dân quận Thanh Khê ban hành Thông báo thụ lý vụ án căn cứ trên Đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị Kim C ghi địa chỉ của ông Văn Công Q là 304 D, quận K, thành phố Đà Nẵng là đúng pháp luật. Sau khi nhận được Thông báo này, ông Q đã có có Bảng ý kiến ngày 23-12-2020 và Bảng ý kiến lần 2 ngày 16-01-2021 tự ghi địa chỉ của mình là tại 304 D, quận K. Từ ngày 19-10-2021 thì ông Q mới gửi Đơn đề nghị tạm đình chỉ và Đơn yêu cầu chuyển thẩm quyền ghi địa chỉ chỗ ở hiện nay là 204 H, quận C. Mặc dù có xác nhận của Công an phường Hoà Cường Bắc, quận Hải C, về việc ông Q có đăng ký tạm trú tại 204 H, quận C nhưng bản thân ông Q khi nhận được Thông báo thụ lý của Toà án đều xác định địa chỉ của mình là 304 D, quận Thanh Khê. Do vậy, có thể xác định địa chỉ của ông Q tại thời điểm thụ lý là đúng, quá trình giải quyết vụ án mới có sự thay đổi địa chỉ của đương sự nên Toà án nhân dân quận Thanh Khê tiếp tục giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đồng thời, ông Văn Công Q cho rằng ông đang có khiếu nại Quyết định không khởi tố vụ án hình sự ngày 14-9-2021 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an thành phố Đà Nẵng nên Toà án cấp sơ thẩm xét xử là không đúng pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm mở ngày 16-8-2022, người đại diện uỷ quyền của

ông Q trình bày ông Q đang tiếp tục có khiếu nại tại Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tạm ngừng phiên toà để xác minh tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đà Nẵng và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng thì hai cơ quan này cung cấp thông tin là đã có kết quả giải quyết khiếu nại của ông Văn Công Q và kết quả là đều không chấp nhận Đơn khiếu nại.

[4] Về kết quả giải quyết vụ án của Toà án cấp sơ thẩm: Theo Đơn khởi kiện của nguyên đơn – bà Hoàng Thị Kim C thì năm 2011, giữa Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đ (bà Hoàng Thị Kim C làm Giám đốc) và Công ty Cổ phần G (ông Văn Công Q là Chủ tịch Hội đồng quản trị) có ký kết Hợp đồng thỏa thuận hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐTTHTĐT ngày 08-3-2011 tại khu đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc, tỉnh Quảng Nam và xúc tiến ký thêm Dự án Peaceful land. Ngày 28-9-2013, Công ty Đ đã gửi Thông báo số 181a/2013/TB-BĐ yêu cầu Công ty G nộp 2.144.505.804đ để thực hiện giải tỏa mặt bằng đền bù dự án Đ 1.

Ngày 10-10-2013, ông Văn Công Q dùng tài khoản ngân hàng cá nhân của ông Q chuyển vào tài khoản cá nhân của bà C số tiền 2.144.505.804đ, mục đích ghi trong nội dung chuyển tiền là *"Tiền giải tỏa Đ 1"*. Cùng ngày 10-10-2013, bà C đã rút số tiền 2.144.000.000đ, còn trong tài khoản 505.804đ không rút được (do số dư còn lại thấp) và đang làm thủ tục để chuyển 2.144.000.000đ từ Công ty Đ vào tài khoản của Trung tâm giải phóng mặt bằng thì Hội đồng thành viên của Công ty Đ thông báo là phải dừng việc chuyển tiền vì Ban lãnh đạo của hai Công ty thống nhất là dừng dự án Đ 1 lại, để đầu tư dự án Peaceful land. Do vậy, bà C đã hủy lệnh chuyển tiền và được Hội đồng thành viên của Công ty Đ giao trách nhiệm cho bà C bảo quản số tiền 2.144.505.804đ từ đó cho đến nay, kể cả khi bà C không còn giữ vị trí Giám đốc Công ty Đ từ năm 2018. Sau đó, giữa hai Công ty đã phát sinh nhiều tranh chấp, dẫn đến bà C vẫn phải bảo quản số tiền của ông Q.

[5] Nay bà Hoàng Thị Kim C yêu cầu Toà án: Tuyên bố việc ủy quyền của ông Văn Công Q (là chủ tịch Hội đồng quản trị G) cho bà C chấm dứt do công việc ủy quyền không thể thực hiện được; bà C chuyển trả lại cho ông Q số tiền bà C đang giữ là 2.144.505.804đ và yêu cầu ông Q phải xin lỗi công khai đối với bà C (về yêu cầu buộc xin lỗi công khai thì bà C đã rút tại phiên toà sơ thẩm).

Toà án cấp sơ thẩm đã xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và trong thời hạn luật định, bị đơn đã có Đơn kháng cáo.

[6] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Chủ thể tham gia "hợp đồng uỷ quyền" theo bà Hoàng Thị Kim C khởi kiện là ông Văn Công Q và bà Hoàng Thị Kim C, căn cứ khởi kiện của bà C là việc chuyển số tiền 2.144.505.804đ từ tài khoản cá nhân của ông Văn Công Q vào tài khoản cá nhân của bà Hoàng Thị Kim C.

Tuy nhiên, căn cứ "Biên bản họp Hội đồng thành viên" vào lúc 05 giờ chiều ngày 10-10-2013 của Công ty Đ có nội dung: *Giám đốc C đã nhận lại số tiền 2.144.505.804đ từ việc huỷ chuyển tiền từ Ngân hàng Nông nghiệp cho Ban*

quản lý khu đô thị Điện Ngọc và đã trả lại chứng từ gốc cho ngân hàng nên việc chuyển tiền chưa hoàn thành. Số tiền của Công ty G (đại diện ông Văn Công Q chuyển) nêu trên giao cho Giám đốc Công ty Đ tạm giữ. Trong đó, bà Hoàng Thị Kim C là Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty tham gia cuộc họp này. Đồng thời, căn cứ Thông báo số 09A/2018/TB-BĐ ngày 29-6-2018 của Công ty Đ gửi cho bà C thể hiện: *Công ty Đ tiếp tục giao cho bà Hoàng Thị Kim C tiếp tục bảo quản số tiền 2.144.505.804đ mà bà đang bảo quản theo quyết định của Hội đồng thành viên ngày 10-10-2013*. Như vậy, có cơ sở để xác định số tiền mà bà C đang giữ/ bảo quản là theo sự phân công, giao phó của Công ty Đ chứ không phải giữ với tư cách cá nhân; bản thân bà Hoàng Thị Kim C cũng xác định nội dung này tại Đơn khởi kiện và các văn bản trình bày nộp cho Toà án.

[7] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo Hoàng Thị Kim C thì việc ông Văn Công Q chuyển khoản số tiền 2.144.505.804đ cho bà Hoàng Thị Kim C là "hợp đồng uỷ quyền", cụ thể là ông Q uỷ quyền cho bà C nộp số tiền này vào tài khoản của Trung tâm giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, không có tài liệu, chứng cứ nào tại hồ sơ thể hiện việc ông Q uỷ quyền công việc này cho bà C. Đồng thời, nội dung chuyển khoản số tiền 2.144.505.804đ của ông Q cho bà C có ghi là *"Tiền giải tỏa Đ 1"*. Hội đồng xét xử xem xét Hợp đồng thỏa thuận hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐTTHTĐT ngày 08-3-2011 ký kết giữa Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đ và Công ty Cổ phần G để hợp tác với nhau triển khai xây dựng thực hiện Dự án Khu đô thị Đ tại khu đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc, tỉnh Quảng Nam và Thông báo số 181a/2013/TB-BĐ ngày 28-9-2013 của Công ty Đ thông báo v/v "Chậm góp vốn để triển khai dự án Khu đô thị Đ" có nội dung *Công ty Đ thông báo đến cho Công ty G số tiền phải góp vốn tối thiểu 60% là 2.144.505.804đ và thời hạn cuối cùng là 10-10-2013*. Các tài liệu này cho thấy số tiền, thời hạn và mục đích chuyển khoản của ông Văn Công Q cho bà Hoàng Thị Kim C là hoàn toàn trùng khớp với quan hệ hợp tác đầu tư giữa hai Công ty Đ và G; việc ông Văn Công Q chuyển khoản số tiền 2.144.505.804đ cho bà Hoàng Thị Kim C thực chất là để thực hiện Hợp đồng thỏa thuận hợp tác đầu tư giữa Công ty Đ và Công ty G.

[8] Do đó, số tiền 2.144.505.804đ nếu có phát sinh tranh chấp là tranh chấp về Hợp đồng thỏa thuận hợp tác đầu tư giữa Công ty Đ và Công ty G để được giải quyết, chứ không phải là tranh chấp "Yêu cầu chấm dứt hợp đồng ủy quyền" giữa cá nhân bà Hoàng Thị Kim C và ông Văn Công Q. Ở đây không có quan hệ uỷ quyền giữa ông Q với bà C như trình bày của bà C cũng như nhận định của Bản án sơ thẩm (nếu có việc uỷ quyền là uỷ quyền của hai công ty cho hai cá nhân này thực hiện giao dịch).

[9] Với bản chất vụ án như trên nhưng Toà án cấp sơ thẩm đã xác định chưa đúng người tham gia tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp, dẫn đến việc áp dụng pháp luật và giải quyết nội dung vụ án cũng không đúng. Đây là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, cần huỷ Bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để xác

định lại người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp và giải quyết lại vụ án cho phù hợp pháp luật và bản chất của vụ án.

[10] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa hôm nay là phù hợp các tình tiết khách quan của vụ án và quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 148, Điều 293, Khoản 3 Điều 296, Khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 09-3-2022 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Văn Công Q không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông Văn Công Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0002622 ngày 01-4-2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND Q.Thanh Khê, TPĐN;
- Chi cục THADS Q.Thanh Khê, TPĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Thanh Mai